

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Huy Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Ngọc Hanh

Bà Trần Thị Thanh Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thái Thị L – Sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm a, xã T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S – Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP a, Thị trấn X, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Thái Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện sống với nhau như vợ chồng và tổ chức đám cưới theo phong tục ở địa phương ngày 26/10/1999, các đương sự có lên UBND xã T để đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký được, từ đó đến nay cũng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, các đương sự cùng sống chung tại xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đến năm 2014 thì chuyển hộ khẩu về tại TDP a, Thị trấn X, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, năm 2015 do phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn cùng các con về sống tại Xóm a, xã T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Thái Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn S và xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung nguyên đơn và bị đơn có 2 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 03/01/2013. Nếu ly hôn nguyện vọng của nguyên đơn là được nuôi hai con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2019 và Biên bản hòa giải ngày 05/7/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ tình cảm thống nhất như như nguyên đơn trình bày, vợ chồng có tổ chức đám cưới ngày 26/10/1999 nhưng chưa đăng ký kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng quá trình chung sống đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, do hay cãi vã, tính cách không hợp nhưng bị đơn thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể đoàn tụ được, không nhất thiết phải ly hôn để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Đồng ý như trình bày của nguyên đơn, con đầu muốn ở với ai tùy vào nguyện vọng của con, đứa sau còn nhỏ đồng ý giao cho mẹ nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của anh S, chị L là cháu Nguyễn Tuấn A hiện đã trên 07 tuổi nguyện vọng của cháu muốn được sinh sống với chị Thái Thị L.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có hôn nhân thực tế nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 28 BLTTDS; Khoản 1 Điều 11, 87 Luật HNGĐ năm 2000; Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000 của Quốc Hội, tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị Thái Thị L và anh Nguyễn Văn S. Về con chung chấp nhận theo sự thỏa thuận của các đương sự giao các con chung cho chị Thái Thị L chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung các đương sự không yêu cầu miễn xét. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về tố tụng: Căn cứ vào thẩm quyền về vụ việc và thẩm quyền về lãnh thổ thì vụ án do Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 128, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do sau 02 lần mở phiên tòa và được triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự thì giữa chị Thái Thị L và anh Nguyễn Văn S có thời gian sống chung, có con chung và tài sản chung nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước

có thẩm quyền chỉ làm đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1999 và sống chung như vợ chồng từ đó đến nay.

Tuy nhiên theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 luật có hiệu lực tại thời điểm các đương sự sống chung quy định:

*Việc kết hôn do UBND xã, phường, thị trấn, nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.*

...

*Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.*

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 luật có hiệu lực tại thời phát sinh yêu cầu quy định:

*Điều 9: Đăng ký kết hôn*

*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật của hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

*Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.*

*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn có thời gian chung sống như vợ chồng, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, đối chiếu các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình qua các thời kỳ, thì việc sống chung của các bên đương sự không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

Nay nguyên đơn làm đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng và xin ly hôn, HĐXX căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, 2000, 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000 QH10; khoản 4 Điều 3 TTLT số 01/2016/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

3. Về con chung: Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi, HĐXX ghi nhận thỏa thuận giao con chung cho chị Thái Thị L nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

4. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu HĐXX miễn xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lý trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14,15, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 8, 9, 44, 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Khoản 1 Điều 11, 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử không công nhận chị Thái Thị L và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 03/01/2013 cho chị Thái Thị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, miễn xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thái Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000017 ngày 06 tháng 6 năm 2019 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nay không phải nộp tiếp.

Vụ án được xét xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;
- VKS Nghi Xuân;
- Tòa án tỉnh;TACC;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký, đóng dấu)

**Phạm Huy Bình**